

Số: 1878/BC-SVHTTDL

Điện Biên, ngày 25 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018

Thực hiện Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo kết quả triển khai thực hiện với nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

- Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/10/2016 thông qua Đề án tiếp tục bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã ban hành các văn bản: Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 về việc phê duyệt Đề án tiếp tục bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 2123/KH-UBND ngày 31/7/2017 về việc thực hiện Đề án tiếp tục bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2017-2020. Trong đó có nhiệm vụ tổ chức kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ KIỂM KÊ

1. Đánh giá chung

Năm 2018, tỉnh Điện Biên đã tiến hành kiểm kê 04 dân tộc gồm: Thái, Mông, Khơ Mú (thuộc huyện Điện Biên), Dao (thuộc huyện Mường Nhé, Nậm Pồ, Tủa Chùa) nhằm nhận diện, đánh giá về 07 loại hình di sản văn hóa phi vật thể, gồm: Tiếng nói, chữ viết; Ngữ văn dân gian; Nghệ thuật trình diễn dân gian; Nghề thủ công truyền thống; Lễ hội truyền thống; Tập quán xã hội và tín ngưỡng; Tri thức dân gian. Trong đó, dân tộc Thái kiểm kê 06 bản, dân tộc Mông kiểm kê 04 bản, dân tộc Khơ Mú kiểm kê 03 bản, dân tộc Dao kiểm kê 20 thôn, bản. Đây là các dân tộc tiêu biểu đã được Trung ương và địa phương quan tâm và đầu tư bảo tồn di sản nên nhiều nét văn hóa truyền thống của dân tộc được gìn giữ và phát huy giá trị.

2. Kết quả kiểm kê

2.1. Dân tộc Thái

- Tiếng nói, chữ viết: Năm 2018, tỉnh Điện Biên đã kiểm kê 06 bản dân tộc Thái thuộc ngành Thái đen. Kết quả kiểm kê cho thấy Tiếng nói, chữ viết đã bị

mai một. Trong đời sống sinh hoạt phần lớn người dân trong cộng đồng vẫn giao tiếp bằng ngôn ngữ Thái nhưng đối với lớp trẻ, đặc biệt lứa tuổi học sinh thường sử dụng tiếng phổ thông, hạn chế sử dụng ngôn ngữ Thái. Về chữ viết, việc sử dụng chữ Thái cổ hiện nay thường là các thầy Mo hoặc nhà nghiên cứu văn hóa dân gian chứ không còn phổ biến. Riêng đối với chữ Thái cải tiến hiện nay được mở lớp đào tạo tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của tỉnh đã thu hút nhiều cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức tham gia. Qua đó Tiếng nói, chữ viết của dân tộc Thái được gìn giữ và kế thừa.

- Ngữ văn dân gian: Một số truyện kể dân gian được lưu giữ trong trí nhớ của những người cao tuổi được truyền đạt, kể lại cho thế hệ trẻ tiếp thu; những câu ca dao, tục ngữ mang tính giáo dục hoặc đúc kết kinh nghiệm trong lao động sản xuất cho thấy đã có sự mai một vì chỉ còn tồn tại do một số người nắm giữ.

- Nghệ thuật trình diễn dân gian: Dân ca Thái vẫn được duy trì thực hành trong đám cưới hoặc trong các cuộc vui của dân bản. Người tham gia thực hành dân ca Thái chủ yếu là đội văn nghệ của bản và những người có tuổi, có uy tín trong cộng đồng. Bên cạnh đó, Nghệ thuật Xòe Thái là di sản khá tiêu biểu cho loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian nhưng đang có nguy cơ mai một. Thực tế, những bản người Thái được kiểm kê cho thấy, cộng đồng không thường xuyên tổ chức Xòe, nhiều người không nắm được kỹ thuật cơ bản. Do vậy địa phương đã bảo tồn Nghệ thuật Xòe bằng cách phục dựng, truyền dạy các điệu múa cơ bản cho cộng đồng tham gia thực hành. Chính vì sự mai một về hát dân ca và múa Thái nên các nhạc cụ dân tộc của người Thái cũng không được gìn giữ và sử dụng. Các trò chơi dân gian cộng đồng còn nắm được cách chơi nhưng không thường xuyên thực hành.

- Nghề thủ công truyền thống: Người Thái tại địa bàn kiểm kê hiện nay còn duy trì nghề thêu, còn lại các nghề khác đã bị mai một.

- Lễ hội truyền thống: Các bản được kiểm kê không còn duy trì tổ chức các lễ hội truyền thống.

- Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Một trong những hoạt động chung của cộng đồng là Lễ cúng bản đến nay đã mai một, không còn tổ chức. Người dân còn thực hành lễ mừng cơm mới và lễ cúng tổ tiên. Người Thái không tổ chức Tết riêng mà ăn tết theo người Kinh. Họ cũng đã và đang thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang và lễ hội cho nên việc cưới xin, tang ma cơ bản vẫn giữ theo truyền thống và có sự thay đổi, rút ngắn thời gian tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tế. Người Thái đen vẫn mặc trang phục truyền thống, phụ nữ có tục tăng cầu (búi tóc đỉnh đầu) khi đi lấy chồng.

- Tri thức dân gian: người Thái còn nắm giữ tri thức dân gian về y học liên quan đến sức khỏe con người - hiện nay người Thái vẫn sử dụng những kinh nghiệm và bí quyết riêng trong việc đi rừng hái cây thuốc chữa bệnh theo phương pháp dân gian; sức khỏe và sự phát triển của vật nuôi, cây trồng; ẩm thực dân gian; trang phục truyền thống; tín ngưỡng dân gian; tri thức về quy trình dựng nhà; lịch pháp và số đếm. Kiến trúc nhà cửa của người Thái cơ bản vẫn giữ được theo truyền thống.

2.2. Dân tộc Mông

- Tiếng nói, chữ viết: Dân tộc Mông có tiếng nói, chữ viết riêng. Đối với địa bàn kiểm kê, người Mông sử dụng cả tiếng Mông và tiếng phổ thông, họ ít sử dụng chữ viết Mông (chữ Mông la tinh) mà sử dụng chữ phổ thông.

- Ngữ văn dân gian: Người am hiểu, nắm giữ loại hình di sản này hiện nay còn rất ít bởi chỉ có những người già mới có thể nhớ và kể lại những câu chuyện, những câu ca dao, tục ngữ. Chủ thể văn hóa có người chỉ nhớ được đầu đề của tác phẩm đó mà không nhớ được nội dung hoặc nhớ nội dung một cách mơ màng, không định hình trong trí nhớ một cách đầy đủ, vì thế khi kiểm kê có những câu chuyện kể chưa rõ nghĩa, chưa làm toát lên nội dung của câu chuyện.

- Nghệ thuật trình diễn dân gian: Người Mông còn duy trì múa khèn, hát dân ca...Tuy nhiên, người thường xuyên thực hành chỉ tập trung ở số ít người, chủ yếu là các nghệ nhân.

- Nghề thủ công truyền thống: Người Mông còn duy trì nghề đan lát để tạo ra các sản phẩm sử dụng trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, mục đích để tự cung tự cấp là chính. Nghề rèn của người Mông đang được gìn giữ, họ tạo ra nhiều sản phẩm như dao, liềm, cuốc...không chỉ dành cho gia đình mà còn để bán, trao đổi hàng hóa. Nghề thêu tạo hoa văn trên trang phục của phụ nữ Mông cũng được duy trì.

- Lễ hội truyền thống: Tại địa bàn kiểm kê, người Mông không duy trì tổ chức lễ hội truyền thống.

- Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Người Mông duy trì tổ chức Tết Nào pè châu hàng năm. Đây là hoạt động mang tính cộng đồng cao, thể hiện tình đoàn kết và phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn. Thông qua Tết Nào pè châu đã lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống, đó là tục thờ cúng xử ca, cúng tổ tiên, giã bánh dày, múa khèn, hát dân ca, ném pao, chơi tù lu, đẩy gậy...

Bên cạnh đó, người Mông còn tổ chức Lễ cúng dòng họ. Đặc điểm của người Mông là định cư sinh sống theo dòng họ tại các bản. Do vậy người Mông tôn trọng và đề cao dòng họ của mình, điều này thể hiện bằng việc họ duy trì tổ chức Lễ cúng dòng họ. Tuy nhiên họ chỉ tổ chức phân nghi lễ chứ không tổ chức hoạt động trò chơi dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian.

- Tri thức dân gian: Người Mông còn nắm giữ tri thức dân gian về ẩm thực, đặc biệt thịt ướp muối treo gác bếp, bánh dày...; tín ngưỡng dân gian như thờ xử ca và tín ngưỡng đa thần; tri thức về quy trình dựng nhà; trang phục truyền thống. Về trang phục truyền thống của người Mông vẫn được gìn giữ và sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày.

2.3. Dân tộc Khơ Mú

- Tiếng nói, chữ viết

Tiếng nói: Hiện nay, ngoài tiếng Khơ Mú họ còn nói tiếng Thái, Lào, tiếng phổ thông khá tốt. Về chữ viết, kết quả kiểm kê cho thấy người Khơ Mú ở tỉnh Điện Biên không có chữ viết riêng.

- Ngữ văn dân gian

Ngữ văn dân gian truyền miệng của người Khơ Mú hiện nay có ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố, truyện cổ tích do số ít người già nắm giữ và kể lại cho con cháu. Tuy nhiên, đây loại hình di sản đã bị mai một vì không được truyền dạy thường xuyên, đồng thời do người Khơ Mú không có chữ viết riêng nên không ghi chép nội dung để lưu lại. Vì thế di sản khó có khả năng tồn tại và phát huy giá trị.

- Nghệ thuật trình diễn dân gian

Âm nhạc (các loại nhạc cụ): nhạc cụ truyền thống của dân tộc Khơ Mú chủ yếu làm nhạc nền, đệm cho các làn điệu dân ca và các điệu múa, các nhạc cụ phổ biến là: đàn nhị, đàn môi, kèn lá, trống, chiêng, sáo, sáo mui...Người Khơ Mú còn giữ một số điệu hát như: Hát đối, hát giao duyên, hát ru, hát đám cưới. Múa của người Khơ Mú cũng khá phong phú như: Múa tầm đao, múa tra hạt, múa xòe, múa tăng bu, múa đánh bắt cá, múa sạp, các điệu múa của dân tộc Khơ Mú diễn ra theo cấp độ nhanh dần, thể hiện sự mạnh mẽ, khỏe khoắn, các điệu múa truyền thống đều gắn liền với những động tác lao động sản xuất hàng ngày.

Các trò chơi dân gian: Tại địa bàn kiểm kê, người Khơ Mú không còn tổ chức các trò chơi dân gian, một số đại diện trong cộng đồng còn nắm giữ cách chơi, kỹ thuật chơi nhưng không trực tiếp truyền dạy cho thế hệ trẻ nên trò chơi dân gian của người Khơ Mú đang bị mai một.

- Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Người Khơ Mú còn thực hành Lễ lên nhà mới, Lễ cúng tổ tiên. Người Khơ Mú cho rằng con cháu sống yên ổn, mùa màng bội thu là nhờ linh hồn của tổ tiên phù hộ. Theo họ, ma nhà là linh hồn bố mẹ đã mất, là người đại diện cho tổ tiên, tác động và chi phối toàn bộ sinh hoạt của con cháu. Nơi thờ ma nhà của người Khơ Mú được dựng ở cạnh bếp lửa. Bàn thờ là một cái mâm đan bằng phen nửa treo sát vách, phía dưới tấm phen nửa ấy có nắm xôi được cắm vào que nửa. Khi cúng ma nhà, chủ nhà đặt vò rượu cần sát với cột trụ, vớt bỏ các nắm xôi cũ, thay vào đó các nắm xôi mới. Nếu mổ lợn hay gà thì treo sọt xương vào chỗ giàn phen. Cúng xong, người ta đặt các nắm xôi lên phen và ít huyết lợn vào chỗ bàn thờ.

Tục cưới xin: gồm lễ ăn hỏi và lễ cưới, lễ cưới của người Khơ Mú được tổ chức hai lần, lần thứ nhất chỉ làm lễ cưới hỏi nhỏ lần thứ hai lễ cưới chính thức và có tục ở rể. Tuy nhiên thời gian ở rể của họ đã được rút ngắn, nếu trước đây ở rể kéo dài nhiều năm thì ngày nay tục ở rể chỉ diễn ra nhiều là 1 - 2 năm hoặc chỉ là 1 - 2 ngày. Phụ nữ khi đi lấy chồng cũng có tục tặng cầu giống người Thái.

- Lễ hội truyền thống: Người Khơ Mú còn duy trì thực hành Lễ mừng cơm mới. Riêng đối với Lễ cầu mưa là di sản mang tính cộng đồng cao hiện nay người Khơ Mú thuộc địa bàn kiểm kê của huyện Điện Biên đã bị mai một, họ không còn thực hành. Tuy nhiên, cách thức, quy trình thực hành Lễ cầu mưa vẫn được các chủ thể trong cộng đồng nắm được, đây là điều kiện thuận lợi để di sản có khả năng phục dựng, bảo tồn.

- Nghề thủ công truyền thống: Người Khơ Mú rất giỏi trong nghề đan lát, nhiều người trong cộng đồng vẫn duy trì nghề đan lát, các sản phẩm được đan từ nguyên liệu mây, tre không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày mà còn để bán, trao đổi hàng hóa với các dân tộc khác.

- Tri thức dân gian: người Khơ Mú còn nắm giữ tri thức về một số bài thuốc dân gian liên quan đến sức khỏe con người; sức khỏe và sự phát triển của vật nuôi, cây trồng; ẩm thực dân gian; tín ngưỡng dân gian; tri thức về quy trình dựng nhà; trang phục truyền thống. Về trang phục truyền thống của người Khơ Mú ngày nay đang bị mai một, thực tế cho thấy người Khơ Mú còn giữ được kiểu dáng áo của phụ nữ, chủ yếu là mua sẵn, do có sự ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người nên người Khơ Mú đã sử dụng váy và áo của người Thái hoặc váy của người Lào.

2.4. Dân tộc Dao

- Tiếng nói, chữ viết: Tiếng nói của dân tộc Dao được đồng bào duy trì sử dụng. Chữ viết của người Dao còn lưu giữ khá nhiều, người nắm giữ thường là các thầy cúng.

- Ngữ văn dân gian: Ca dao, tục ngữ, truyện cười, câu đố, truyện cổ tích... không được người Dao sử dụng thường xuyên, vì vậy các thế hệ trẻ bây giờ hầu như không còn nắm bắt được vốn ngữ văn truyền miệng của dân tộc.

- Nghệ thuật trình diễn dân gian:

Đối với nghệ thuật trình diễn dân gian đặc biệt là âm nhạc, hát múa thì dân tộc Dao nổi bật với điệu hát lượn được gọi là "*Páo dung*" hay "*Pá dung*". Nội dung của những bài *Páo dung* thường về sản xuất, sinh hoạt gia đình, về tình yêu nam nữ... Người Dao thường hát *Páo dung* trong Lễ cấp sắc (Tủ cái), trong ngày hội, trong đám cưới để chúc mừng cô dâu chú rể...

Hát ru: Là làn điệu hát nhẹ nhàng, êm dịu, thiết tha, bay bổng. Lời hát thể hiện mong muốn và gửi gắm của các đấng sinh thành với mong ước con cái ngoan ngoãn, khỏe mạnh khôn lớn nên người.

Hát đố: Đây là thể loại hát thường gặp trong hát dân ca của người Dao. Hát đố được lồng ghép trong một số thể loại hát của người Dao như hát dao duyên, hát đám cưới, hát khi uống rượu, hát trên đường sống chợ.....

Hát giao duyên: Là những lời hát để hai bên nam, nữ tìm hiểu nhau. Hát giao duyên thường được sử dụng trong dịp hội xuân hay đi xuống chợ, gặp gỡ trong đám cưới... Tuy nhiên hát giao duyên đã bị mai một vì chỉ còn ít người nắm giữ và thực hành.

Hát đám cưới: Là thể loại được người Dao ưa chuộng nhất. Trải qua thời gian, sự thay đổi và phát triển của xã hội thì hát đám cưới vẫn được người Dao bảo tồn, gìn giữ trong cộng đồng dân tộc. Cuộc hát thường diễn ra khi nhà trai sang nhà gái xin đón dâu, cuộc hát diễn ra giữa thầy cúng (ông mối bên nhà trai, hoặc ông chú, ông cậu chú rể) với bà mai bên nhà gái. Giữa bạn bè của chú rể

với bạn cô dâu..... Vào ngày lễ, tết thanh niên mới lớn thường ngồi quanh bậc đàn anh đàn chị để nghe hát và học hát.

Nhạc cụ chủ yếu của người Dao gồm: Trống, chuông, Kèn, Chiêng, Chũm chọe. Những nhạc cụ này thường được sử dụng trong các nghi lễ truyền thống, đám ma, lễ cấp sắc.....

Đối với dân tộc Dao ở tỉnh Điện Biên thì múa chỉ diễn ra khi tổ chức các nghi lễ như lễ cấp sắc, ma chay... Đặc trưng của múa dân tộc Dao là chỉ có đàn ông múa và trong múa không có nhạc đệm ngoài lắc chuông, đánh trống, chũm chọe làm nhịp. Người Dao có điệu múa tiêu biểu như: Múa cấp sắc được diễn ra tại nơi làm lễ cúng.

- Nghề thủ công truyền thống: Người Dao còn duy trì nghề dệt, nghề rèn, đan lát, nghề mộc, nghề nấu rượu, nghề làm giấy bản.

Mỗi gia đình người Dao đều trồng bông, nguyên liệu chính để làm sợi dệt. Để có một bộ trang phục truyền thống hoàn chỉnh, phụ nữ dân tộc Dao phải trải qua các công đoạn: Trồng bông, se sợi, dệt, nhuộm màu, thêu hoa văn trang trí và cắt may.

Sản phẩm của nghề rèn rất đa dạng, ngoài việc đáp ứng nhu cầu sử dụng của gia đình còn có thể làm vật trao đổi buôn bán với các dân tộc khác....Tuy nhiên, trong các bản người Dao chỉ có một số gia đình. Sản phẩm của nghề rèn chủ yếu là các nông cụ như lưỡi cày, lưỡi cuốc, xẻng, dao chặt, dao thái, dao phát nương các loại, liềm gặt lúa, cào cỏ...

Các sản phẩm nghề đan lát được dùng trong cuộc sống hàng ngày hầu hết do đàn ông làm ra. Đàn ông dân tộc Dao đan lát rất giỏi, họ được làm quen với nghề từ rất sớm, được những người già truyền dạy cho cách đan. Sản phẩm đan lát mây tre của người Dao gồm nhiều chủng loại, có mặt trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống như: Dụng cụ sản xuất, dụng cụ đánh bắt cá, dụng cụ vận chuyển và các vật dụng gia đình cần thiết như: Giày, các loại nong, nia, mẹt, rá, hòm đựng quần áo, đom, dó, vợt bắt cá, đồ đựng cơm...

Ngoài ra, người Dao còn duy trì nấu rượu ngô, rượu sắn và rượu thóc. Nghề làm giấy bản của người Dao được làm từ cây dó, rom nếp và được dùng trong các dịp lễ tết, đám cưới, các lễ cúng, cấp sắc, ma chay, viết sách.

- Lễ hội truyền thống, Tập quán xã hội và tín ngưỡng: Những di sản của người Dao có thể xét vào loại hình Lễ hội truyền thống nhưng cũng có thể xếp vào loại hình Tập quán xã hội và tín ngưỡng như những di sản sau:


Lễ Tủ cải: Là lễ quan trọng nhất trong tập tục vòng đời người con trai dân tộc Dao của tỉnh Điện Biên, nó đánh dấu sự trưởng thành như lễ thành đinh của người Kinh trong xã hội cổ truyền. Đồng bào quan niệm ai đã thụ lễ mới được coi là người đủ tư cách làm các công việc trong dòng tộc và cộng đồng. Thường bé trai từ 05 tuổi trở lên, khi điều kiện kinh tế gia đình cho phép đều được làm lễ Tủ cải. Lễ Tủ cải thường được tổ chức sau khi thu hoạch vụ mùa vào cuối năm

cũ hay đầu năm mới là thời gian nông nhàn. Lễ không diễn ra theo thời gian nhất định mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và thời gian của từng gia đình.


Lễ nhảy lửa: Là sự kế tục của nghi lễ cúng Bàn Vương, luyện binh tướng (âm binh) để bảo vệ cuộc sống của gia đình, dòng tộc và bản làng. Vì vậy, họ làm lễ nhảy lửa để cầu mong lửa mang lại sự ấm áp, mừng cho một vụ thu hoạch hoa màu vừa kết thúc và cầu thần linh phù hộ cho an khang thịnh vượng cũng như xua đuổi tà ma, bệnh tật. Lễ cầu mùa: Hàng năm đến ngày 06 tháng 6 âm lịch, sau khi gieo giống các loại cây nông nghiệp xong, đồng bào dân tộc Dao tổ chức nghi lễ cầu mùa để cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, cây trồng không bị sâu bệnh, chim sóc phá hoại

Lễ cúng ma bản: Nghi lễ cúng ma bản được tổ chức vào ngày 02 tháng 02 âm lịch hàng năm để cầu sức khỏe cho con người, cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

- Tri thức dân gian: Người Dao giữ được vốn tri thức về các bài thuốc dân gian về chăm sóc sức khỏe cho con người, tri thức về kỹ thuật tạo ra các bộ trang phục truyền thống. Bên cạnh đó, vốn tri thức về nhà cửa, ẩm thực của người Dao cũng được gìn giữ.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Cục Di sản văn hoá - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Bộ VH, TT & DL;
- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Di sản Văn hóa;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Bảo tàng tỉnh;
- Phòng VH & TT các huyện, thị xã, tp;
- Lưu: VT, DSVH. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Ngọc Lượng